

**Các chữ viết tắt trong
Cựu Ước**

Sách	Viết tắt
Sáng thế	<i>Sáng</i>
Xuất Ai-cập	<i>Xuất</i>
Lê-vi	<i>Lê</i>
Dân số	<i>Dân</i>
Phục truyền luật lệ	<i>Phục</i>
Giô-suê	<i>Giô-s</i>
Quan án	<i>Quan</i>
Ru-tơ	<i>Ru</i>
I Sa-mu-ên	<i>I Sam</i>
II Sa-mu-ên	<i>II Sam</i>
I Các Vua	<i>I Vua</i>
II Các Vua	<i>II Vua</i>
I Sử ký	<i>I Sử</i>
II Sử ký	<i>II Sử</i>
E-xơ-ra	<i>E-xơ-ra</i>
Nê-hê-mi	<i>Nê</i>
Ê-xơ-tê	<i>Ê-xơ-tê</i>
Gióp	<i>Gióp</i>
Thi thiên	<i>Thi</i>
Châm ngôn	<i>Châm</i>
Giáo huấn	<i>Giáo</i>
Tình ca	<i>Tình</i>
Ê-sai	<i>Ês</i>
Giê-rê-mi	<i>Giê</i>
Ai ca	<i>Ai</i>
Ê-xê-chiên	<i>Ê-xê</i>
Đa-niên	<i>Đa</i>
Ô-sê	<i>Ô-sê</i>
Giô-ên	<i>Giô-ên</i>
A-mốt	<i>Am</i>
Áp-điã	<i>Áp</i>
Giô-na	<i>Giô-na</i>
Mi-ca	<i>Mi</i>
Na-hâm	<i>Na</i>
Ha-ba-cúc	<i>Ha</i>
Xô-phô-ni	<i>Xô</i>
A-ghê	<i>A-ghê</i>
Xa-cha-ri	<i>Xa</i>
Ma-la-chi	<i>Mal</i>

**Mục Lục
Tân Ước**

Sách	Viết tắt	Trang
Lời nói đầu		v
Mở đầu		vii
Ma-thi-ơ	<i>Ma</i>	1
Mác	<i>Mác</i>	48
Lu-ca	<i>Lu</i>	77
Giăng	<i>Gi</i>	126
Công vụ các sứ đồ	<i>Sứ đồ</i>	161
La-mã	<i>La</i>	206
I Cô-rinh	<i>I Cô</i>	228
II Cô-rinh	<i>II Cô</i>	247
Ga-la-ti	<i>Gal</i>	260
Ê-phê-sô	<i>Êph</i>	268
Phi líp	<i>Phil</i>	276
Cô-lô-se	<i>Côl</i>	281
I Tê-sa-lô-ni-ca	<i>I Tê</i>	286
II Tê-sa-lô-ni-ca	<i>II Tê</i>	291
I Ti-mô-thê	<i>I Tim</i>	294
II Ti-mô-thê	<i>II Tim</i>	300
Tít	<i>Tít</i>	304
Phi-lê-môn	<i>Phi-lê</i>	307
Hê-bơ-rơ	<i>Hê</i>	309
Gia-cơ	<i>Gia-cơ</i>	325
I Phia-rơ	<i>I Phia</i>	331
II Phia-rơ	<i>II Phia</i>	337
I Giăng	<i>I Gi</i>	341
II Giăng	<i>II Gi</i>	347
III Giăng	<i>III Gi</i>	348
Giu-đe	<i>Giu-đe</i>	349
Khải Thị	<i>Khải</i>	351
Giải thích Từ Ngữ		373
Bản đồ		379

“Toàn thể Thánh Kinh đều do Thượng Đế soi dẫn, có ích cho việc dạy dỗ, khiển trách, sửa sai và dạy cách sống ngay thật.”

Lời nói đầu

Chúng tôi hân hạnh giới thiệu với quý vị quyển Niềm Hi Vọng (Tân Ước, bản Phổ thông). Đây là một bản dịch dành cho các độc giả chưa quen với Lời của Thượng Đế; tuy nhiên bản này cũng rất ích lợi cho tất cả các tín hữu.

Phương pháp chúng tôi dùng

Bản Phổ thông dựa trên bốn mục tiêu:

- 1. Giản dị:** Khi chuyển ngữ, chúng tôi cố gắng dùng văn thể bình thường và chỉ chọn những từ Hán Việt thông dụng nhất mà thôi. Vì thế các độc giả thuộc mọi trình độ đều có thể đọc và hiểu dễ dàng.
- 2. Chính xác:** Dù giản dị nhưng cũng chính xác. Các học giả Hi-lạp của Cơ Quan Phiên Dịch Kinh Thánh Thế Giới đã cẩn thận duyệt lại mức độ chính xác của bản này trong việc chuyển đạt ý nghĩa từ bản gốc Hi-lạp.
- 3. Tự nhiên:** Chúng tôi cố gắng sử dụng ngôn ngữ tự nhiên của đại chúng.
- 4. Ích lợi:** Để giúp độc giả hiểu các ý niệm và từ ngữ dùng trong Thánh Kinh, chúng tôi có thêm rất nhiều chú thích cuối trang và bảng “Giải thích từ ngữ” ở cuối sách.

Không có một bản dịch Thánh Kinh nào hoàn toàn phù hợp cho mọi tầng lớp độc giả. Chúng tôi chỉ mong bản này có thể giúp được nhiều đồng bào Việt Nam biết về chân lý của Thượng Đế.

Cầu Chúa dùng bản Tân Ước Phổ thông này để mang Tin Mừng về tình yêu thương và ân phúc của Ngài đến với những ai đang tìm kiếm sự bình an cho tâm linh, niềm hi vọng trong cuộc sống, và sự cứu rỗi linh hồn nơi Thượng Đế.

Chú thích cuối trang và phần Giải thích từ ngữ

Các chú thích cuối trang dùng để giải nghĩa những từ hơi khó hiểu trong đoạn văn đều được xếp theo thứ tự a, b, c. Còn những từ có tính cách tổng quát hơn thì được đánh dấu sao (*) và xếp vào bảng “Giải thích từ ngữ” ở cuối sách.

Mở đầu

Thánh Kinh là gì?

Tân Ước là một tựa được dùng trong nhiều thế kỷ qua để mô tả một tập hợp các sách thuộc phần thứ nhì của Thánh Kinh, nghĩa là Thánh Kinh gồm hai nhóm sách: Cựu Ước và Tân Ước. Từ ngữ Thánh Kinh bắt nguồn từ gốc Hi-lạp có nghĩa là “sách.” Còn danh từ “ước” có nghĩa là “giao ước” hay lời của Thượng Đế hứa ban phúc lành cho dân Ngài. Cựu Ước gồm các sách nói đến giao ước mà Thượng Đế lập với dân Do-thái (Ít-ra-en) vào thời kỳ ông Mô-se. Còn Tân Ước là nhóm sách nói đến giao ước mà Ngài lập với mọi người tin nhận Chúa Cứu Thế Giê-xu.

Các sách trong Cựu Ước thuật lại những việc lớn lao Thượng Đế làm cho dân Do-thái đồng thời cho chúng ta thấy chương trình của Ngài dùng dân ấy để mang phúc lành cho toàn thể nhân loại. Các sách này hướng về ngày Đấng Cứu Thế (còn gọi là Đấng Mê-si) mà Thượng Đế sai đến để thực hiện chương trình của Ngài. Tân Ước mô tả Đấng Cứu Thế (tức Chúa Giê-xu) đến trên thế gian và ý nghĩa của việc Ngài đến cho toàn thể nhân loại. Chúng ta cần biết về Cựu Ước để hiểu Tân Ước vì Cựu Ước cho chúng ta thấy bối cảnh chung. Còn Tân Ước thì hoàn tất câu chuyện cứu rỗi đã bắt đầu trong Cựu Ước.

CỰU ƯỚC

Cựu Ước gồm 39 sách do nhiều tác giả khác nhau viết ra. Đa số các sách này được viết bằng tiếng Hê-bơ-rơ, một ngôn ngữ xưa của Ít-ra-en. Có một vài khúc viết bằng tiếng A-ram, một ngôn ngữ quốc tế thời bấy giờ. Vài phần của Cựu Ước được viết cách đây hơn 3.500 năm. Quyển đầu và quyển cuối của Cựu Ước cách nhau hơn 1.000 năm. Những sách trong Cựu Ước gồm các loại luật pháp, lịch sử, văn xuôi, bài ca, thơ phú và những lời giáo huấn của các bậc thông thái.

Cựu Ước thường được chia ra làm ba phần chính: Luật pháp, Tiên tri, và Văn Thơ. Phần Luật Pháp gồm năm sách gọi là “Ngũ Kinh của Mô-se.” Sách đầu tiên là Sáng thế. Sách này cho chúng ta biết thế giới bắt đầu từ đâu, người đàn ông và đàn bà đầu tiên được dựng nên ra sao, và tội lỗi đầu tiên họ đã phạm nghịch lại Thượng Đế như thế nào. Sách Sáng thế nói về Cơn Lụt Lớn và cho chúng ta biết nguồn gốc của quốc gia Ít-ra-en là dân tộc được Thượng Đế lựa chọn cho mục đích đặc biệt của Ngài.

CÂU CHUYỆN ÁP-RA-HAM

Thượng Đế lập giao ước với Áp-ra-ham, một nhân vật nổi danh có đức tin lớn. Trong giao ước đó Ngài hứa sẽ làm cho Áp-ra-ham trở thành tổ tiên của một quốc gia lớn, đồng thời sẽ cho ông và dòng dõi của ông vùng đất

Ca-na-an. Áp-ra-ham chịu phép cắt dương bì để chứng tỏ ông chấp nhận giao ước ấy. Phép cắt dương bì trở thành dấu hiệu về giao ước giữa Thượng Đế và dân Ngài. Áp-ra-ham không biết Thượng Đế làm cách nào để thực hiện những điều Ngài đã hứa nhưng ông tin tưởng nơi Thượng Đế. Điều đó khiến Thượng Đế rất vừa lòng.

Ngài bảo Áp-ra-ham rời nơi ông ở giữa những người Hê-bơ-rơ thuộc vùng Mê-xô-bô-ta-mi và dẫn ông đến Ca-na-an (còn gọi là Pha-lét-tin) là đất hứa. Khi về già Áp-ra-ham sinh được một con trai đặt tên là Y-sác. Y-sác sinh một trai tên Gia-cốp. Gia-cốp (cũng có tên là Ít-ra-en) sinh được mười hai con trai và một con gái. Gia đình này trở thành dân tộc Ít-ra-en nhưng họ không quên nguồn gốc gồm các chi tộc của họ. Họ tiếp tục gọi mình là mười hai chi tộc (hay “gia tộc”) của Ít-ra-en tức là dòng dõi của mười hai con trai của Gia-cốp: Ru-bên, Xi-mê-ôn, Lê-vi, Giu-đa, Đan, Náp-ta-li, Gát, A-xe, Y-xa-ca, Xê-bu-lôn, Giô-xép, và Bê-ni-a-min. Ba ông tổ chính: Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp (Ít-ra-en) được gọi là các “ông tổ” hay “tổ tiên” của quốc gia Ít-ra-en.

Áp-ra-ham còn là “cha” dưới một hình thức khác. Vào thời cổ xưa của Ít-ra-en, nhiều lần Thượng Đế kêu gọi một số người để nói thay cho Ngài. Những nhân vật đặc biệt này gọi là các nhà tiên tri tức đại diện của Thượng Đế trước mặt dân chúng. Qua những nhà tiên tri ấy Thượng Đế ban các lời hứa cho dân Ít-ra-en, những lời cảnh cáo, luật lệ, nhiều sự dạy bảo, những bài học rút ra từ kinh nghiệm quá khứ và bài học dựa vào các biến chuyển tương lai. Áp-ra-ham, “người Hê-bơ-rơ” là vị tiên tri đầu tiên mà Thánh Kinh đề cập tới.

ÍT-RA-EN ĐƯỢC GIẢI PHÓNG KHỎI ÁCH NÔ LỆ

Gia đình của Gia-cốp (tức Ít-ra-en) gia tăng lên đến 70 người gồm con cháu của ông. Một trong các con trai của Gia-cốp là Giô-xép trở thành một vị quan to trong nước Ai-cập. Cuộc sống trở thành khó khăn nên Gia-cốp và gia đình di cư sang Ai-cập, nơi có thực phẩm dồi dào khiến cuộc sống dễ chịu hơn. Chi tộc Hê-bơ-rơ ấy dần dần trở thành một dân tộc bé nhỏ. Pha-ra-ôn, vua Ai-cập bắt họ làm nô lệ. Sách Xuất Ai-cập cho chúng ta thấy sau 400 năm, Thượng Đế dùng nhà tiên tri Mô-se giải phóng dân Ít-ra-en ra khỏi ách nô lệ của Ai-cập và mang họ về lại nước Pha-lét-tin. Cái giá phải trả cho tự do này khá cao, nhưng người trả giá ấy là dân Ai-cập. Pha-ra-ôn và các gia đình Ai-cập bị thiệt mất các con đầu lòng trước khi Pha-ra-ôn cho dân Ít-ra-en ra đi tự do. Con đầu lòng phải chết để dân chúng được tự do. Người Ít-ra-en về sau nhớ mãi điều này trong cách thờ phụng và các sinh tế của họ.

Người Ít-ra-en sẵn sàng lên đường tìm tự do. Họ chuẩn bị và nai nịt đàn hoàng để thoát ly nước Ai-cập. Mỗi gia đình giết và nướng một con chiên con. Họ lấy máu của con chiên và bôi trên cột cửa để làm dấu hiệu cho Thượng Đế. Họ vội vã nướng bánh mì không men và dùng bữa. Đêm đó Thiên sứ của Chúa đi qua cả nước. Nếu nhà nào không có dấu máu của chiên con bôi trên cột cửa thì con đầu lòng của nhà ấy bị giết. Còn dân Ít-ra-en thì được giải phóng. Nhưng khi các người nô lệ là dân Ít-ra-en sắp sửa rời Ai-cập thì Pha-ra-ôn đổi ý. Ông cho quân đuổi theo định bắt các nô lệ Ít-ra-en trở lại nhưng Thượng Đế cứu dân Ngài.

Thượng Đế rẽ nước Hồng Hải cho dân chúng đi qua được tự do sang bờ bên kia. Ngài tiêu diệt đạo quân Ai-cập đang đuổi theo. Rồi tại một địa điểm thuộc vùng bán đảo Ả-rập, trên một ngọn núi trong vùng sa mạc Si-nai, Thượng Đế lập một giao ước đặc biệt với họ.

LUẬT LỆ MÔ-SE

Sự giải cứu của Thượng Đế cho dân Ít-ra-en và giao ước của Ngài với họ trên núi Si-nai khiến dân tộc này khác biệt với các dân tộc khác. Giao ước đó gồm những lời hứa và luật lệ cho dân Ít-ra-en. Một phần của giao ước này gọi là Mười Mệnh Lệnh được Thượng Đế viết trên hai bảng đá và trao cho dân chúng. Các mệnh lệnh đó ghi lại những nguyên tắc căn bản cho đời sống mà Thượng Đế muốn dân Ít-ra-en phải noi theo. Các mệnh lệnh nói trên gồm nhiệm vụ của dân Ít-ra-en đối với Thượng Đế, đối với gia đình và đối với những người khác trong cuộc sống hằng ngày.

Mười Mệnh Lệnh và các qui tắc cùng những sự dạy dỗ khác được ban cho trên núi Si-nai gọi là “Luật Mô-se” hay nói vắn tắt là “Luật pháp.” Nhiều khi danh từ “Luật pháp” được dùng để nói đến năm sách đầu tiên trong Thánh Kinh và đôi khi dùng cho toàn thể Cựu Ước.

Ngoài Mười Mệnh Lệnh và các qui tắc về cách xử thế khác, Luật Mô-se còn ghi lại những qui tắc dành cho các thầy tế lễ, các của lễ dâng hiến, nghi thức thờ phụng và các ngày thánh. Các qui tắc ấy được ghi trong sách Lê-vi. Theo Luật Mô-se thì các thầy tế lễ cùng những trợ giúp đều phải xuất thân từ chi tộc Lê-vi. Những người trợ giúp ấy gọi chung là “người Lê-vi.” Thầy tế lễ quan trọng nhất gọi là thầy tế lễ tối cao.

Luật pháp ghi lại những chỉ thị về việc xây dựng Lều Thánh (“Đền Tạm”) hay Lều Hạp, tức là nơi mà dân Ít-ra-en đến để thờ phụng Thượng Đế. Lều ấy chuẩn bị cho dân Ít-ra-en trong việc xây dựng đền thờ tức tòa nhà thánh ở Giê-ru-sa-lem trên núi Xi-ôn mà sau này dân chúng đi đến để thờ phụng Ngài. Các qui tắc về những của lễ dâng hiến và thờ phụng khiến cho dân chúng thấy họ đã phạm tội với nhau và với Thượng Đế. Nhưng những qui tắc này cũng chỉ cho họ con đường để được tha tội và hòa thuận lại với nhau và với Thượng Đế. Những của lễ hi sinh ấy giúp họ hiểu rõ hơn về sinh tế mà Thượng Đế chuẩn bị ban cho toàn thể nhân loại.

Luật pháp cũng ghi lại những chỉ thị về việc kỷ niệm các ngày thánh hay ngày lễ. Mỗi ngày lễ có ý nghĩa riêng. Một số ngày lễ là dịp vui mừng kỷ niệm những ngày đặc biệt trong năm chẳng hạn như lễ ăn mừng mùa gặt để kỷ niệm Hoa quả Đầu Mùa, lễ Sa-bu-ốt (tức lễ Thất Tuần hay lễ Các Tuần), và lễ Xu-cốt (hay lễ Lều Tạm).

Một vài lễ để kỷ niệm những việc kỳ diệu Thượng Đế đã làm cho dân Ngài. Lễ Vượt Qua là một trong những sự kỷ niệm đó. Mỗi gia đình tưởng nhớ lại cuộc trốn thoát khỏi Ai-cập. Dân chúng ca hát tôn ngợi Thượng Đế. Người ta giết một con chiên con và chuẩn bị bữa ăn. Ly rượu hay một miếng thức ăn nhỏ nhắc cho dân chúng nhớ lại những gì Thượng Đế đã làm để giải cứu họ khỏi cuộc sống vất vả và đau khổ.

Các lễ khác có tầm quan trọng đặc biệt hơn. Mỗi năm, vào ngày Đại lễ Chuộc Tội, dân chúng phải nhớ lại những điều sai lầm mình đã làm cho người khác và cho Thượng Đế. Đó là một ngày đau buồn, ngày mà dân chúng nhịn ăn. Trong ngày ấy thầy Tế Lễ Tối Cao dâng các của lễ đặc biệt để chuộc tội cho dân chúng.

Giao Ước giữa Thượng Đế và dân Ít-ra-en có một tầm quan trọng đặc biệt cho những tác giả của Cựu Ước. Hầu hết các sách mà những nhà Tiên tri viết và các sách thánh đều dựa trên căn bản là nước Ít-ra-en và mỗi một công dân, đã có một giao ước đặc biệt với Thượng Đế mà họ gọi là “Giao Ước của Chúa” hay gọi vắn tắt hơn là “Giao Ước.” Các sách lịch sử giải thích các biến chuyển dựa theo Giao Ước ấy: Nếu cá nhân hay dân tộc trung thành với Thượng Đế và Giao Ước thì Ngài sẽ ban thưởng. Nếu họ bỏ bê hay lơ là với Giao Ước, Thượng Đế sẽ trừng phạt họ. Ngài sai các nhà tiên tri đến để nhắc nhở dân chúng về giao ước của họ với Thượng Đế. Các thi sĩ Ít-ra-en hát nhiều bài ca ngợi những điều kỳ diệu mà Thượng Đế làm cho người nào vâng lời Ngài. Họ than khóc về những sự đau khổ và trừng phạt xảy đến cho ai không vâng phục Thượng Đế. Các tác giả này đặt căn bản về những ý niệm sai hay đúng trên lời dạy dỗ của Giao Ước. Còn khi những người vô tội gặp cảnh khốn khổ thì các thi nhân ấy băn khoăn tìm hiểu nguyên nhân tại sao.

QUỐC GIA ÍT-RA-EN

Lịch sử của dân tộc Ít-ra-en xưa là lịch sử của một dân tộc từ bỏ Thượng Đế, được Ngài giải cứu, dân chúng quay trở về cùng Thượng Đế rồi cuối cùng lại bỏ Ngài. Cái vòng lẩn quẩn này bắt đầu ngay sau khi dân chúng chấp nhận giao ước của Thượng Đế, rồi cứ thế mà diễn lại. Tại núi Si-nai, dân Ít-ra-en đồng ý đi theo Thượng Đế nhưng họ chống nghịch Ngài nên phải đi lang thang trong sa mạc suốt 40 năm. Cuối cùng, Giô-suê, người kế vị Mô-se dẫn dắt dân chúng vào đất hứa. Lúc đầu họ chiếm đóng và định cư một phần trong đất Ít-ra-en. Suốt mấy trăm năm sau cuộc chiếm đóng đó, có các lãnh tụ địa phương gọi là các quan án, cai trị dân chúng.

Sau cùng dân chúng đòi cho được một vị vua. Vua đầu tiên là Sau-lơ. Ông không vâng lời Thượng Đế nên Ngài chọn một người chăn chiên tên Đa-vít làm vua mới, thay thế Sau-lơ. Nhà tiên tri Sa-mu-ên đến đổ dầu trên đầu Đa-vít để bổ nhiệm ông làm vua dân Ít-ra-en. Thượng Đế hứa rằng các vị vua tương lai của Ít-ra-en đều sẽ là con cháu Đa-vít thuộc chi tộc Giu-đa. Đa-vít chiếm được thành Giê-ru-sa-lem và chọn thành ấy làm thủ đô và địa điểm tương lai của đền thờ. Ông tổ chức các thầy tế lễ, các nhà tiên tri, các người soạn nhạc, các nhạc sĩ, và các ca sĩ trong những buổi thờ phụng trong đền thờ. Đa-vít cũng đích thân soạn nhiều bài ca (thi thiên), nhưng Thượng Đế không cho phép ông xây đền thờ.

Khi Đa-vít về già và sắp qua đời, ông chỉ định con trai là Sô-lô-môn làm vua dân Ít-ra-en. Đa-vít dặn con ông phải luôn luôn đi theo Thượng Đế và tuân giữ Giao Ước. Khi lên ngôi vua, Sô-lô-môn xây cất đền thờ và nối rộng lãnh thổ Ít-ra-en. Lúc đó là thời kỳ cực thịnh của nước Ít-ra-en. Vua Sô-lô-môn rất nổi danh. Nước Ít-ra-en vô cùng hùng mạnh.

GIU-ĐA VÀ ÍT-RA-EN, QUỐC GIA BỊ CHIA ĐÔI

Khi Sô-lô-môn qua đời thì xảy ra cuộc nội chiến, quốc gia bị chia đôi. Mười chi tộc miền Bắc lấy tên là Ít-ra-en. Các chi tộc miền Nam lấy tên là Giu-đa. (Danh từ “Do-thái” mà ngày nay người ta dùng, gọi từ tên ấy) Quốc gia Giu-đa trung thành với Giao ước và triều đại Đa-vít (tức là những vua kế tiếp thuộc cùng một dòng họ) tiếp tục cai trị Giê-ru-sa-lem cho đến khi Giu-đa bị chiếm cứ, dân chúng bị người Ba-by-lôn đày ra nước ngoài.

Ở vương quốc miền Bắc (Ít-ra-en) có bảy triều vua lên cai trị rồi sụp đổ vì dân chúng không giữ luật pháp. Trong các triều đại, những vua Ít-ra-en chọn nhiều thành phố khác nhau làm thủ đô và thủ đô cuối cùng là Xa-ma-ri. Muốn củng cố quyền hành trên dân chúng, các vua Ít-ra-en đổi cách thờ phụng Thượng Đế. Họ chọn các thầy tế lễ mới và xây cất hai đền thờ: một ở vùng Đan (nằm trên biên giới phía Bắc của Ít-ra-en) và một ở Bê-tên (nằm dọc theo biên giới giữa Ít-ra-en và Giu-đa). Giữa hai quốc gia Ít-ra-en và Giu-đa thường đánh nhau luôn.

Trong thời gian nội chiến và khốn khổ ấy thì Thượng Đế sai nhiều nhà tiên tri đến với Giu-đa và Ít-ra-en. Một số nhà tiên tri là các thầy tế-lễ; số khác làm nghề nông. Có người làm cố vấn cho các vua, có người sống một cuộc đời bình dị. Vài nhà tiên tri viết lại những sự dạy dỗ và các lời tiên tri của họ, còn nhiều người khác không ghi lại điều gì. Nhưng hầu hết các nhà tiên tri đến để truyền giảng về công lý, lẽ phải, và tinh thần nhờ cậy Thượng Đế.

Nhiều nhà tiên tri cảnh cáo dân chúng rằng họ sẽ bị đánh bại và bị tản lạc nếu họ không quay trở về cùng Thượng Đế. Một số các nhà tiên tri nhìn thấy trước tương lai huy hoàng cùng những sự trừng phạt. Lắm người trong vòng họ hướng nhìn về tương lai khi một vua mới sẽ đến cai trị quốc gia. Họ xem vị vua ấy thuộc con cháu vua Đa-vít để hướng dẫn dân tộc của Thượng Đế vào một thời đại hoàng kim. Vài người tiên đoán trước rằng vị vua này sẽ cai trị một nước đời đời. Một số nhà tiên tri khác xem vị vua ấy như một đầy tớ phải chịu nhiều khốn khổ để mang dân chúng trở về với Thượng Đế. Nhưng tất cả mọi nhà tiên tri đều xem Ngài như là Đấng Mê-si, tức là người được Thượng Đế chọn hay được Ngài xức dầu để đưa vào một thời đại mới.

SỰ TIÊU HỦY QUỐC GIA ÍT-RA-EN VÀ GIU-ĐA

Dân chúng Ít-ra-en xem thường những lời cảnh cáo của Thượng Đế cho nên vào năm 722/721 trước Dương lịch, Xa-ma-ri rơi vào tay quân A-xi-ri. Dân Ít-ra-en bị bắt và bị phân tán khắp đế quốc A-xi-ri. Quân A-xi-ri mang các người ngoại quốc vào định cư trong đất Ít-ra-en. Những người này học được tôn giáo của Giu-đa và Ít-ra-en. Nhiều người trong vòng họ cố gắng tôn trọng Giao ước. Sau này họ trở thành dân Xa-ma-ri. Sau đó quân A-xi-ri tìm cách tấn công Giu-đa. Một số thành phố rơi vào tay họ nhưng Thượng Đế giải cứu Giê-ru-sa-lem. Vua A-xi-ri bị thua liền trở về nước và bị hai con trai giết chết, thế là Giu-đa thoát nạn.

Dân chúng Giu-đa chỉ thay đổi lòng trong một thời gian ngắn thôi. Họ bắt đầu vâng lời Thượng Đế nhưng cuối cùng họ cũng bị đánh bại và bị phân tán. Quốc gia Ba-by-lôn trở nên hùng cường và tấn công Giu-đa. Lúc đầu quân Ba-by-lôn chỉ bắt một số người quan trọng làm tù binh. Nhưng vài năm, khoảng 587/586 trước Dương

Lịch họ trở lại và tiêu hủy thành Giê-ru-sa-lem cùng đền thờ. Một số dân trốn thoát qua Ai-cập, còn đa số bị bắt làm nô lệ sang Ba-by-lôn. Một lần nữa Thượng Đế sai các nhà tiên tri đến cùng dân chúng và họ bắt đầu chịu nghe các vị ấy. Hình như việc tiêu hủy đền thờ và thành Giê-ru-sa-lem cùng việc lưu đày sang Ba-by-lôn khiến dân chúng tỉnh thức thật sự. Các nhà tiên tri càng nói nhiều thêm về một vua mới và nước của Ngài. Giê-rê-mi, một trong những nhà tiên tri cũng nói đến một Giao Ước Mới. Giao Ước Mới này sẽ không được viết trên các bảng đá mà viết trên lòng của dân Chúa.

DÂN DO-THÁI TRỞ VỀ XỨ PHA-LÉT-TIN

Trong lúc ấy, vua Xi-ru lên cầm quyền đế quốc Mê-đi Ba-tư và chiến thắng Ba-by-lôn. Vua Xi-ru cho phép dân chúng hồi hương. Thế là 70 năm sau khi bị tù đày, nhiều người Giu-đa trở về quê cha đất tổ. Họ tìm cách xây dựng lại quốc gia, nhưng nước Giu-đa vẫn nhỏ bé và yếu ớt. Họ xây dựng lại đền thờ. Tuy nhiên đền thờ mới không đẹp bằng đền thờ mà vua Sô-lô-môn đã xây. Nhiều người chân thành quay về cùng Thượng Đế và bắt đầu học Luật Pháp, các lời viết của các nhà tiên tri và các sách thánh khác. Một số người trở thành học giả, tức những người sao chép Thánh Kinh. Về sau những người ấy thành lập các trường dạy Thánh Kinh. Dân chúng bắt đầu họp lại vào ngày Sa-bát (tức ngày thứ bảy) để học, cầu nguyện, và thờ kính Thượng Đế chung với nhau. Họ học Thánh Kinh trong các hội đường và nhiều người bắt đầu trông mong Đấng Mê-si đến.

Bên Tây Phương thì A-lich-sơn đại đế chiếm quyền cai trị Hi-lạp và ít lâu sau thống trị toàn thế giới. Ông đưa ngôn ngữ, tập quán và văn hóa Hi-lạp đến nhiều nơi trên thế giới. Khi ông qua đời thì đế quốc ông bị phân chia. Ít lâu sau một đế quốc khác nổi lên và chiếm quyền kiểm soát phần lớn thế giới mà người ta biết đến lúc ấy, luôn cả vùng Pha-lét-tin, nơi người Giu-đa sinh sống.

Người La-mã, tức những kẻ cầm quyền mới rất tàn ác và hung dữ, còn dân Do-thái thì kiên cường hơn hinh. Trong thời kỳ khốn khó ấy, nhiều người Do-thái trông mong Đấng Mê-si đến. Họ chỉ muốn Thượng Đế và Đấng Mê-si mà Ngài hứa sai đến cai trị mình. Họ không hiểu rằng Thượng Đế muốn cứu toàn thế giới qua Đấng Mê-si. Họ tưởng rằng chương trình của Thượng Đế chỉ cứu người Do-thái khỏi thế giới này mà thôi! Một số người Do-thái bằng lòng chờ đợi Thượng Đế sai Đấng Mê-si đến còn một số khác muốn “giúp” Thượng Đế thiết lập tân quốc gia của Ngài. Những người Do-thái này thuộc phe “Quá Khích.” Nhóm Quá Khích muốn tìm cách lật đổ người La-mã. Đôi khi họ giết cả những người Do-thái nào hợp tác với quân La-mã.

CÁC NHÓM TÔN GIÁO CỦA DO-THÁI

Vào thế kỷ thứ nhất trước Dương lịch, Luật pháp Mô-se đóng một vai hết sức quan trọng đối với người Do-thái. Dân chúng đã học và tranh luận về Luật pháp. Họ hiểu Luật pháp theo nhiều cách. Có kẻ dám chết cho Luật ấy. Có ba nhóm chính trong vòng người Do-thái. Mỗi nhóm có một số chuyên gia (tức luật sư hay học giả).

Nhóm Xa-đu-xê

Một trong những nhóm đó gọi là Xa-đu-xê. Tên gọi này rất có thể ra từ tên Xa-đốc, tức là thầy tế lễ tối cao vào thời kỳ vua Đa-vít cai trị. Nhiều thầy tế lễ và những người có thể lực thuộc nhóm Xa-đu-xê. Nhóm này chỉ chấp nhận Luật pháp (gồm năm sách của Mô-se) làm căn bản trong các vấn đề đạo giáo. Luật pháp dạy dỗ nhiều điều về các thầy tế lễ và các của lễ dâng hiến nhưng không dạy gì về cuộc sống sau khi qua đời. Vì vậy mà người Xa-đu-xê không tin rằng người ta có thể sống lại từ kẻ chết.

Nhóm Pha-ri-xi

Một nhóm khác gọi là Pha-ri-xi. Danh từ này do tiếng Hê-bơ-rơ có nghĩa là “giải thích” hay “biệt lập.” Những người thuộc nhóm này tìm cách dạy hay giải thích Luật Mô-se cho người dân thường. Người Pha-ri-xi tin rằng có những truyền thống bằng miệng bắt đầu từ thời Mô-se. Họ cho rằng con người thuộc mỗi thế hệ đều có thể giải thích Luật pháp sao cho đáp ứng với các nhu cầu của thế hệ ấy. Như thế nghĩa là người Pha-ri-xi có thể chấp nhận không những Luật Mô-se làm thẩm quyền của mình mà họ còn chấp nhận luôn cả các sách tiên tri, các sách văn thơ, ngay cả đến các truyền thống của họ nữa. Vì thế họ rất thận trọng về những gì họ ăn hay đựng đến. Họ rất kỹ lưỡng trong việc rửa tay hoặc tắm. Họ tin rằng con người sẽ sống lại từ trong kẻ chết vì các nhà tiên tri đã nói đến điều đó.

Nhóm Êt-xin

Nhóm thứ ba là nhóm Êt-xin. Nhiều thầy tế lễ ở Giê-ru-sa-lem không sống đúng theo như Thượng Đế muốn. Ngoài ra, người La-mã đã bổ nhiệm nhiều thầy tế-lễ tối cao không đủ tư cách theo Luật Mô-se. Vì thế, những người thuộc nhóm Êt-xin cho rằng lối thờ phụng và dâng của lễ ở Giê-ru-sa-lem không đúng nên họ tách ra sống trong vùng sa mạc Giu-đia. Họ lập cộng đồng riêng, chỉ dành cho những người Êt-xin khác sống chung mà thôi. Nhóm Êt-xin nhịn ăn, cầu nguyện và chờ đợi Thượng Đế sai Đấng Mê-si đến để tẩy sạch đền thờ và chức vụ tế lễ. Nhiều học giả cho rằng nhóm Êt-xin có liên quan phần nào với Cộng Đồng ở Qumran và nhiều sách vở cổ xưa tìm được ở Qumran cùng các nơi khác trong vùng sa mạc Giu-đia.

TÂN ƯỚC

Thượng Đế đã bắt đầu kế hoạch của Ngài. Ngài đã chọn một quốc gia đặc biệt. Ngài đã lập một Giao Ước với dân tộc ấy để chuẩn bị cho họ hiểu công lý và sự nhân từ Ngài. Qua các nhà tiên tri và các thi sĩ, Ngài đã bày tỏ chương trình của Ngài muốn ban phước cho thế giới bằng cách thiết lập một quốc gia thiêng liêng, đặt trên một Giao Ước mới và tốt hơn. Chương trình này bắt đầu qua việc Đấng Mê-si mà Ngài đã hứa được sai đến. Các nhà tiên tri đã mô tả tỉ mỉ về sự đến của Ngài. Họ đã cho biết Đấng Mê-si sẽ sinh ra tại đâu, Ngài sẽ là người như thế nào và công tác Ngài ra sao. Đây là lúc mà Đấng Mê-si phải đến và bắt đầu Giao Ước Mới.

Những sách trong Tân Ước mô tả Giao Ước Mới của Thượng Đế sẽ được trình bày và thực hiện qua Chúa Giê-xu, Đấng Cứu Thế (nghĩa là “Đấng Được Xức Dầu” hay Đấng Mê-si.) Các sách ấy dạy rằng Giao Ước Mới này dành cho tất cả mọi người, đồng thời cũng cho thấy những người sống trong thế kỷ thứ nhất đã hưởng ứng tình yêu của Thượng Đế và tham dự vào Giao Ước ấy. Các sách ấy cũng ghi ra những lời dạy dỗ cho dân Chúa về cách sống trên thế gian. Ngoài ra qua các sách trong Tân Ước chúng ta cũng biết về những lời hứa của Thượng Đế cho dân Ngài để đạt tới một cuộc sống đầy đủ và có ý nghĩa trên đất và cuộc sống chung với Ngài sau khi qua đời.

Các sách trong Tân Ước gồm 27 quyển do ít nhất 8 tác giả khác nhau viết ra. Tất cả các tác giả đều viết bằng tiếng Hi-lạp, một ngôn ngữ rất phổ thông trên thế giới vào thế kỷ thứ nhất. Hơn phân nửa số sách do bốn “sứ đồ” viết. Sứ đồ là những người được Chúa Giê-xu chọn để đại diện hay giúp đỡ Ngài. Ba trong số mười hai người ấy là Ma-thi-ơ, Giăng, và Phia-rơ được gắn gũi nhất với Chúa Giê-xu trong khi Ngài sống trên đất. Phao-lô, một tác giả khác được Chúa Giê-xu chọn về sau này qua một sự hiện thấy kỳ diệu.

Bốn sách đầu tiên gọi là “Tin Mừng” tường thuật đời sống và sự chết của Chúa Cứu Thế Giê-xu. Nói chung các sách này chú trọng đến sự dạy dỗ của Ngài, mục đích củ Chúa Giê-xu trên đất và ý nghĩa quan trọng về sự chết của Ngài chứ không phải chỉ ghi lại những sự kiện lịch sử liên quan đến đời sống Ngài mà thôi. Tin Mừng theo Giăng, sách cuối trong bốn sách nói trên cho thấy điểm này rất rõ. Nội dung của 3 sách Tin Mừng đầu tiên có nhiều điểm tương tự nhau. Thật ra thì nội dung của một trong 3 sách đầu được ghi lại trong một hoặc hai sách kia. Tuy nhiên mỗi tác giả của 3 sách nhắm vào một nhóm độc giả khác nhau cho nên họ viết theo các mục tiêu hơi khác nhau.

Sau bốn sách Tin Mừng là sách Công vụ các sứ đồ. Sách này ghi lại những biến chuyển lịch sử xảy ra sau cái chết của Chúa Giê-xu. Sách Công vụ mô tả tình yêu của Thượng Đế cho nhân loại được các môn đệ Chúa Giê-xu loan báo cho mọi người trên thế gian. Sách cho thấy nhờ sự loan truyền “Tin Mừng” này mà nhiều người sống trong nước Pha-lét-tin và đế quốc La-mã tiếp nhận niềm tin vào Chúa Cứu Thế. Sách Công vụ các sứ đồ do Lu-ca, một nhân chứng của hầu hết các biến chuyển mô tả trong sách ấy ghi lại. Lu-ca cũng là tác giả của sách Tin Mừng thứ ba. Hai sách do ông viết hợp thành một đơn vị hợp nhất: Sách Sứ đồ nối tiếp câu truyện về đời sống Chúa Giê-xu.

Tiếp sau sách Sứ đồ là loạt các thư tín viết cho cá nhân hay các nhóm tín hữu Cơ đốc. Các thư này do những nhà lãnh đạo Cơ đốc như Phao-lô và Phia-rơ, hai trong số những môn đệ Chúa Giê-xu viết ra. Mục đích các thư nói trên là để giúp cho các tín hữu thời bấy giờ đối phó với những vấn đề khó khăn trong cuộc sống. Ngoài ra còn để thông báo, sửa chữa, dạy dỗ và khích lệ không những các tín hữu ấy mà cho tất cả tín hữu trong việc giữ niềm tin của họ, cuộc sống chung với nhau, và cuộc sống của họ trên thế gian.

Khải Thị, sách cuối cùng của Tân Ước, khác hẳn các sách khác. Sách Khải Thị dùng ngôn ngữ theo nghĩa bóng và thuật lại những dị tượng mà Giăng, tác giả của sách đã được nhìn thấy. Nhiều nhân vật và hình ảnh trong sách giống như hình ảnh

và nhân vật trong Cựu Ước. Muốn hiểu sách này phải so sánh với các sách trong Cựu Ước. Sách Khải Thị bảo đảm sự đắc thắng cuối cùng của tín hữu đối với những sức mạnh của kẻ ác qua quyền năng của Thượng Đế và Chúa Cứu Thế Giê-xu, vị lãnh đạo và Đấng Trợ Giúp họ.

CÁC SÁCH TRONG TÂN ƯỚC

Phần hướng dẫn sau đây sẽ giúp ích cho độc giả hiểu thêm khi đọc các sách trong Tân Ước:

Ma-thi-ơ. Ma-thi-ơ là tên của một trong mười hai sứ đồ thân cận nhất của Chúa Giê-xu. Trước khi Chúa Giê-xu chọn ông làm môn đệ thì Ma-thi-ơ là nhân viên thu thuế. Lối viết của Ma-thi-ơ cho thấy ảnh hưởng và khuynh hướng mang tính chất Do-thái của ông. Ma-thi-ơ đặc biệt chú trọng đến những lời tiên tri trong Cựu Ước được thành tựu qua đời sống Chúa Giê-xu. Tuy nhiên trọng tâm sách là những sự dạy dỗ của Chúa Giê-xu.

Mác. Giảng Mác là bạn đồng hành trẻ tuổi của một số môn đệ Chúa Giê-xu. Văn thể sách Mác ngắn, gọn, và có tính cách linh động. Khác với sách Ma-thi-ơ và Lu-ca, sách Mác không chú trọng lắm đến những sự dạy dỗ của Chúa Giê-xu. Mác hình như nhắm vào các độc giả người La-mã và chú trọng vào những việc làm của Ngài để chứng tỏ rằng Chúa Giê-xu là Con Thượng Đế. Mác muốn cho mọi người biết rằng Chúa Giê-xu đến thế gian để cứu nhân loại khỏi những hình phạt của tội lỗi.

Lu-ca. Đây là một trong hai sách do một bạn đồng hành của sứ đồ Phao-lô viết. Lu-ca là một y sĩ có học vấn cao và là một cây viết có tài. Rất có thể Lu-ca quen thuộc với Tin Mừng theo Mác và Ma-thi-ơ nhưng ông chỉ chọn những phần nào thu hút và dễ hiểu cho nhóm độc giả chính của ông là những người không phải Do-thái. Khác với các tác giả của 3 sách Tin Mừng kia, Lu-ca chú trọng vào việc trình bày một cách có thứ tự đời sống Chúa Giê-xu với đầy đủ tính chất thực tế của lịch sử. Tuy nhiên chủ ý của Lu-ca không phải là những biến chuyển trong đời sống Chúa Giê-xu mà ông mô tả Ngài là một người chăm sóc, yêu thương, và dạy dỗ kẻ khác về ý nghĩa cuộc đời. Ngài đáp ứng các nhu cầu của tất cả mọi người bằng quyền năng của Ngài để cứu giúp họ.

Giăng. Sách Tin Mừng này khác hẳn ba sách Tin Mừng đầu tiên. Điểm này có thể thấy rõ ngay sau phần mở đầu rất sâu sắc. Giảng trình bày những điều mà ba sách kia không nói đến. Chủ đích của Giăng là chứng minh rằng Chúa Giê-xu là Đấng Mê-si. “Con Thượng Đế” và là “Cứu Chúa” của nhân loại.

Công vụ các Sứ đồ. Sách này do Lu-ca viết, tiếp nối quyển đầu tiên gọi là ‘Tin Mừng theo Lu-ca’ cũng do ông viết. Sách Công vụ các Sứ đồ mở đầu bằng những chỉ thị của Chúa Giê-xu cho các môn đệ Ngài phải đi ra khắp thế gian rao truyền “Tin Mừng” tức là thông điệp nói về tình yêu thương của Thượng Đế cho mọi người. Chúa Giê-xu muốn họ thuật lại những gì họ biết về sứ mệnh thiêng liêng của Ngài để cứu nhân loại khỏi những trừng phạt do tội lỗi của họ. Lu-ca mô tả việc thực hiện sứ mệnh này quanh các hoạt động của hai nhân vật chính là Phia-rơ và Phao-lô. Ông cũng cho thấy Cơ đốc giáo loan truyền nhanh chóng bắt đầu từ một nhóm nhỏ ở Giê-ru-sa-lem rồi lan rộng ra

các vùng thuộc Giu-đa, Xa-ma-ri và sau cùng lan đến tận những miền xa xăm của đế quốc La-mã.

Nhóm sách kế tiếp trong Tân Ước gồm các thư của Phao-lô. Sứ đồ Phao-lô (trước kia ông mang tên Sau-lô) là một người Do-thái có học vấn khá cao. Ông xuất thân từ thành Tạt-sơ miền Xi-li-xi thuộc nam Thổ-nhĩ-kỳ. Ông theo học ở Giê-ru-sa-lem và là một lãnh tụ của nhóm Pha-ri-xi. Ông chống đối Cơ-đốc-giáo dữ dội trong các năm đầu tiên của phong trào này. Tuy nhiên Chúa Giê-xu hiện ra với ông trong một dị tượng và thay đổi hoàn toàn hướng đi của đời ông. Khoảng mười năm sau ông bắt đầu đi chu du khắp nơi để rao truyền sứ điệp của Chúa Giê-xu. Trong thời gian đó ông viết nhiều bức thư gửi cho các hội thánh (tức những nhóm tín hữu Cơ đốc) và cho một số cá nhân. Trong số các thư Phao lô viết thì mười ba bức thư được để vào Tân Ước.

Thư Phao lô gửi cho người La-mã là bức thư dài nhất và đầy đủ nhất trong tất cả các thư của ông. Hầu hết các thư Phao-lô đều viết cho các nhóm tín hữu ở những thành phố mà ông là người tiên phong đến rao giảng và dạy dỗ họ về Chúa Cứu Thế và về cách thành lập hội thánh. Tuy nhiên khi ông viết thư này cho các tín hữu ở La-mã thì ông chưa hề đặt chân đến thành phố ấy. Ông ở Hi-lạp vào khoảng năm 57 sau Dương lịch. Vì không thể đi đến La-mã theo ý ông muốn, ông viết những sự dạy dỗ thông thường của ông trong bức thư này. Đây là một thư trình bày rất kỹ lưỡng những chân lý căn bản về đức tin trong Chúa Cứu Thế.

Thư thứ nhất và **thư hai gửi cho người Cô-rinh** là hai trong nhiều bức thư Phao lô gửi cho họ. Cô-rinh là một thành phố thuộc miền Nam Hi-lạp. Thư đầu tiên Phao lô giải quyết những vấn đề xảy ra giữa tín hữu và trả lời những câu hỏi mà một vài người trong họ đã biên thư hỏi ông. Những vấn đề ấy gồm sự đoàn kết của các tín hữu Cơ đốc, hôn nhân, tội nhục dục, ly dị, phong tục của Do-thái ... Đáng chú ý nhất là chương 13, văn kiện nổi tiếng nhất của Phao-lô nói về tình yêu thương mà Phao-lô cho rằng đó là chìa khóa giải quyết tất cả những nan đề của họ. Thư thứ hai trả lời về phản ứng của tín hữu ở Cô-rinh sau khi họ nhận được bức thư đầu tiên.

Thư Phao lô gửi cho người Ga-la-ti đối phó với một loại vấn đề khác giữa vòng các tín hữu ở thành phố Ga-la-ti. Trước đó Phao-lô đã rao truyền sứ điệp của Chúa Cứu Thế và đã thành lập một số hội thánh tại đây. Sau đó có một nhóm các giáo sư Do-thái đến và dạy họ những điều khác hẳn với sự dạy dỗ chân thật của Chúa Giê-xu. Vấn đề này rất quan trọng vì nó liên quan đến mối tương quan của họ với Thượng Đế. Vì không thể đi đến Ga-la-ti lúc bấy giờ cho nên Phao-lô phải đối phó một cách quyết liệt về vấn đề ấy trong bức thư này. Thư gửi cho người Ga-la-ti tương tự như thư gửi cho người La-mã, cả hai đều đối phó với những vấn đề căn bản của Cơ đốc giáo nhưng nguyên nhân hơi khác.

Phao-lô viết **thư cho người Ê-phê-sô** trong khi ông đang ngồi tù nhưng chúng ta không biết ông viết lúc nào hay ở đâu. Chủ đề của thư này là chương trình của Thượng Đế mang mọi người đặt dưới quyền cai trị của Chúa Cứu Thế. Phao lô khuyên các tín hữu sống hoà hợp với nhau và hoàn toàn thuận phục mục đích mà Thượng Đế đặt cho mình.

Thư Phao lô gửi cho người Phi-líp cũng được viết trong khi ông đang ngồi tù, rất có thể viết từ La-mã. Lúc ấy ông đang phải đối phó với nhiều khó khăn nhưng ông tin cậy Thượng Đế. Bức thư này chứa đựng niềm tin tưởng và vui mừng. Trong thư Phao lô khích lệ các tín hữu ở Phi-líp và cảm ơn họ về những sự giúp đỡ tài chánh mà họ đã gửi cho ông.

Thư Phao lô gửi cho người Cô-lô-se để đối phó với những sự dạy dỗ sai lạc đang xảy ra tại hội thánh Cô-lô-se. Cô-lô-se là một thành phố nằm ở miền Tiểu Á (nay là Thổ Nhĩ Kỳ). Phần lớn nội dung bức thư tương tự như thư gửi cho người Ê-phê-sô trong đó Phao-lô đưa ra những bài học cụ thể về nếp sống của Cơ đốc nhân.

Các **thư thứ nhất** và **thư hai gửi cho người Tê-sa-lô-ni-ca** rất có thể là các thư đầu tiên mà Phao-lô viết. Trong chuyến viếng thăm đầu tiên của Phao-lô ở vùng Ma-xê-đoan (vùng Bắc Hi-lạp) Phao-lô dạy thông điệp của Chúa Cứu Thế cho họ. Nhiều người tin theo đạo nhưng Phao-lô buộc phải rời vùng ấy sau một thời gian ngắn. Phao-lô viết thư để giục giã họ trong niềm tin họ mới nhận. Ông cũng thảo luận một số điều mà họ không hiểu nhất là việc Chúa Cứu Thế trở lại. Bức thư thứ nhì của ông tiếp tục cuộc thảo luận đó.

Các **thư Ti-mô-thê thứ nhất, thư nhì, và thư cho Tít** được viết vào cuối cuộc đời của Phao-lô. Các thư này được viết cho hai người bạn thân của ông. Phao-lô đã để Ti-mô-thê ở lại Ê-phê-sô và Tít ở lại đảo Cơ-rét để giải quyết các vấn đề liên quan đến việc tổ chức hội thánh ở hai nơi ấy. Rất có thể Ti-mô-thê và Tít chuẩn bị cho các hội thánh đó được độc lập về mặt quản trị và điều hành. Trong bức thư đầu tiên gửi cho Ti-mô-thê và thư gửi cho Tít, Phao-lô đưa ra những lời hướng dẫn về việc chọn các người lãnh đạo cũng như chỉ dẫn về cách đối phó với những nan đề trong hội thánh. Thư thứ nhì gửi cho Ti-mô-thê, Phao-lô phải đương đầu với những giờ phút cuối cùng của đời mình vì thế bức thư có tính cách tâm sự. Thư chứa đựng nhiều lời khuyên dạy và khích lệ Ti-mô-thê theo gương ông trong đức tin, lòng can đảm và sức chịu đựng.

Phi-lê-môn là một lá thư ngắn mà Phao-lô viết ra đồng thời với các thư gửi cho người Cô-lô-se. Phi-lê-môn, một tín hữu ở Cô-lô-se là chủ của Ô-nê-sim, một người tôi mọi đã bỏ trốn nhưng sau trở thành tín hữu nhờ sự hướng dẫn của Phao-lô. Trong thư Phao-lô khuyên Phi-lê-môn tha thứ cho Ô-nê-sim và nhận anh ta trở lại.

Ngoài các thư của Phao-lô, còn có tám bức thư khác do những môn đệ của Chúa Giê-xu viết. Chúng ta không biết tác giả của **thư Hê-bơ-rơ** nhưng chúng ta có thể thấy rõ là thư viết cho các người Do-thái đã tin nhận Chúa Cứu Thế. Họ đang ở tình trạng bấp bênh vì đang bị lôi kéo khỏi đức tin nơi Chúa Giê-xu. Bức thư ấy được viết để khích lệ và củng cố đức tin của họ. Tác giả thư Hê-bơ-rơ nhấn mạnh đến vị thế cao cả của Chúa Giê-xu so với các danh nhân khác. Tác giả dạy rằng chức vụ tế lễ muôn đời của Chúa Cứu Thế Giê-xu và “giao ước tốt hơn” trổi hơn chức tế lễ trong thời Cựu Ước và “giao ước đầu tiên.” Tác giả kết thúc bức thư bằng cách giục giã mọi người đặt niềm tin vào Thượng Đế và sống cho Ngài.

Danh từ “thực tế” thường hay được dùng để mô tả bức thư của **Gia-cơ**, “tôi tớ” của Thượng Đế và của Chúa Giê-xu. Vài người tin rằng ông là một trong các anh

em của Chúa Giê-xu. Chúng ta có thể thấy được nguồn gốc Do-thái của Gia-cơ khi ông dạy về công bằng và hợp lý, sự giúp đỡ người nghèo, làm bạn với thế gian, sự khôn ngoan, tiết độ, những sự căm dỗ và thử thách, nghe và làm, đức tin và việc làm. Ông cũng khuyên chúng ta cầu nguyện và kiên nhẫn.

Thư Phia-rơ thứ nhất và **thứ hai** do sứ đồ Phia-rơ viết cho các tín hữu đang sống rải rác khắp nơi. Ông dạy họ về niềm hi vọng sống và nhà thực sự của họ trên thiên đàng. Vì họ đang đối phó với những khó khăn trong cuộc đời, Phia-rơ đoán chắc với họ rằng Thượng Đế không lìa bỏ họ, trái lại nhờ những sự khốn khổ mà họ sẽ trở nên tốt hơn. Ông nhắc nhở rằng Chúa đã ban phúc cho họ và tha thứ tội lỗi của họ qua Chúa Giê-xu. Họ phải biết sống xứng đáng với tình yêu ấy. Trong thư Phia-rơ thứ hai, ông đương đầu với các giáo sư giả. Ông dạy về sự hiểu biết chân thật và sự trở lại của Chúa Cứu Thế trên thế gian này một lần nữa.

Các **thư thứ nhất, thứ hai, và thứ ba của Giăng** do sứ đồ Giăng viết. Trong những thư này Giăng nói về tình yêu và dạy các tín hữu biết rằng Thượng Đế sẽ luôn luôn chấp nhận họ. Giăng dạy rằng chúng ta tỏ tình yêu của Thượng Đế bằng cách yêu thương người quanh mình và làm những điều Ngài muốn chúng ta làm. Thư thứ hai và thứ ba kêu gọi con dân Chúa hãy yêu thương nhau đồng thời Giăng cảnh cáo họ về những giáo sư giả và những tác phong không thánh khiết.

Tác giả của **thư Giu-đe** là một anh em của Giăng và rất có thể là một người em của Chúa Giê-xu. Thư này khuyên mọi người nên trung tín đồng thời cảnh cáo những người gây rối và các giáo sư giả.

Sách **Khải Thi** của sứ đồ Giăng khác hẳn các sách khác trong Tân Ước. Sách này dùng một ngôn ngữ bóng bẩy và tượng trưng để mô tả những dị tượng mà Giăng thấy. Nhiều hình ảnh của sách giống như trong Cựu Ước nên chúng ta sẽ hiểu rõ hơn khi so sánh với các sách trong Cựu Ước. Sách này đoán chắc rằng các tín hữu sẽ chiến thắng mọi sức mạnh của kẻ ác qua quyền năng của Thượng Đế và của Chúa Cứu Thế Giê-xu, Đấng chủ tể và trợ giúp chúng ta.

THÁNH KINH VÀ ĐỘC GIẢ THỜI HIỆN ĐẠI

Những ai đọc Thánh Kinh vào thời bây giờ phải hiểu rằng các sách này được viết ra cách đây hàng ngàn năm trước cho những người sống trong một nền văn hóa khác hẳn thời đại chúng ta. Nói chung, các sách trong Thánh Kinh đều chú trọng vào những nguyên tắc tổng quát, lúc nào cũng áp dụng được cho mọi thời đại, mặc dù những câu chuyện lịch sử, những hình ảnh hay những tiêu chuẩn dùng trong các sách chỉ có thể hiểu được nếu chúng ta biết ít nhiều về thời đại và văn hóa mà các tác giả ấy sinh sống. Chẳng hạn, Chúa Giê-xu thuật chuyện một người gieo giống vào đám ruộng có nhiều loại đất khác nhau. Đối với độc giả thời nay thì tình trạng này hơi lạ. Chúa Giê-xu chỉ dùng bài học ấy để áp dụng cho con người vào những địa điểm và thời gian khác nhau.

Các độc giả thời nay có thể nhận thấy thế giới thời Thánh Kinh được viết hơi lạ. Những phong tục, thái độ, lối nói chuyện của người thời bấy giờ có vẻ khác với thời nay. Muốn hiểu rõ chúng ta phải dùng những tiêu chuẩn thời kỳ và địa lý lúc bấy giờ để cân nhắc các sự kiện ghi trong Thánh Kinh chứ không thể dùng những tiêu chuẩn thời nay. Ngoài ra chúng ta cũng nên biết rằng Thánh Kinh không phải

là một sách khoa học. Kinh Thánh viết ra để ghi lại những biến chuyển lịch sử và trình bày tầm quan trọng của các biến chuyển ấy đối với mọi người. Những sự dạy dỗ của Thánh Kinh chứa đựng những chân lý phổ thông và đại chúng, vượt quá lãnh vực khoa học. Dù ở thời đại tân tiến ngày nay, những lời giáo huấn ấy vẫn thích nghi vì đáp ứng đúng các nhu cầu thiêng liêng của con người, là những nhu cầu không bao giờ thay đổi.

Muốn nhận được lợi ích khi đọc Thánh Kinh phải đọc một cách vô tư. Như thế người đọc sẽ thu lượm được những hiểu biết về lịch sử và văn hóa của thế giới thời xưa. Thánh Kinh còn giúp chúng ta học biết về đời sống và những sự dạy dỗ của Chúa Giê-xu đồng thời làm thế nào để trở thành môn đệ Ngài. Ngoài ra người đọc sẽ nhận được những hiểu biết sâu xa về mặt thiêng liêng cùng những bài học thực tế để có được một cuộc sống hữu dụng và hạnh phúc. Những câu trả lời cho các nan đề của cuộc đời đều được giải đáp trong Thánh Kinh. Như thế ta thấy đây là một quyển sách nên đọc. Do đó những ai đọc Thánh Kinh với một tấm lòng cởi mở và khao khát sẽ có thể tìm được mục đích của Thượng Đế cho đời sống mình.

License Agreement for Bible Texts

World Bible Translation Center

Last Updated: September 21, 2006

Copyright © 2006 by World Bible Translation Center

All rights reserved.

These Scriptures:

- Are copyrighted by World Bible Translation Center.
- Are not public domain.
- May not be altered or modified in any form.
- May not be sold or offered for sale in any form.
- May not be used for commercial purposes (including, but not limited to, use in advertising or Web banners used for the purpose of selling online ad space).
- May be distributed without modification in electronic form for non-commercial use. However, they may not be hosted on any kind of server (including a Web or ftp server) without written permission. A copy of this license (without modification) must also be included.
- May be quoted for any purpose, up to 1,000 verses, without written permission. However, the extent of quotation must not comprise a complete book nor should it amount to more than 50% of the work in which it is quoted. A copyright notice must appear on the title or copyright page using this pattern: "Taken from the HOLY BIBLE: EASY-TO-READ VERSION™ © 2006 by World Bible Translation Center, Inc. and used by permission." If the text quoted is from one of WBTC's non-English versions, the printed title of the actual text quoted will be substituted for "HOLY BIBLE: EASY-TO-READ VERSION™." The copyright notice must appear in English or be translated into another language. When quotations from WBTC's text are used in non-saleable media, such as church bulletins, orders of service, posters, transparencies or similar media, a complete copyright notice is not required, but the initials of the version (such as "ERV" for the Easy-to-Read Version™ in English) must appear at the end of each quotation.

Any use of these Scriptures other than those listed above is prohibited. For additional rights and permission for usage, such as the use of WBTC's text on a Web site, or for clarification of any of the above, please contact World Bible Translation Center in writing or by email at distribution@wbtc.com.

World Bible Translation Center

P.O. Box 820648

Fort Worth, Texas 76182, USA

Telephone: 1-817-595-1664

Toll-Free in US: 1-888-54-BIBLE

E-mail: info@wbtc.com

WBTC's web site – World Bible Translation Center's web site: <http://www.wbtc.org>

Order online – To order a copy of our texts online, go to: <http://www.wbtc.org>

Current license agreement – This license is subject to change without notice. The current license can be found at: <http://www.wbtc.org/downloads/biblelicense.htm>

Trouble viewing this file – If the text in this document does not display correctly, use Adobe Acrobat Reader 5.0 or higher. Download Adobe Acrobat Reader from: <http://www.adobe.com/products/acrobat/readstep2.html>

Viewing Chinese or Korean PDFs – To view the Chinese or Korean PDFs, it may be necessary to download the Chinese Simplified or Korean font pack from Adobe. Download the font packs from: <http://www.adobe.com/products/acrobat/acrrasianfontpack.html>